TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/QĐ-TA	Kế Sách, ngày 24 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

Thẩm phán: Ông Phạm Hải Duy
Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Cúc

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buột theo Quyết định mở phiên họp số 63/2020/QĐ-TA ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với:

Họ và tên: Lê Văn Tuấn E; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 01/01/1991.

CMND số: 365885230; Ngày cấp: 12/01/2019; Nơi cấp: Công an tỉnh S.

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 9/12.

Nguyên quán: xã A, huyện K, tỉnh S.

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã xã A, huyện K, tỉnh S.

Chổ ở hiện nay: ấp A, xã xã A, huyện K, tỉnh S.

Nghề nghiệp: làm thuê.

Tiền án: 01 lần; Tiền sự: 01 lần.

Con ông: Lê Ngọc T, sinh năm 1950 và bà: Trần Thị H, sinh năm 1945.

Vắng mặt tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị:

Ông Đỗ Hoàng Tuấn - Chức vụ: Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: (theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2020).

Ông Nguyễn Văn Ngoãn - Chức vụ: Phó trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng*: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Tại tờ tự khai của Lê Văn Tuấn E và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ngày 18/12/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S đã ban hành quyết định số 045/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn là 03 tháng đối với Lê Văn Tuấn E và đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 04/GCN-UBND ngày 18/3/2020, tuy nhiên, vào ngày 21/3/2020, Lê Văn Tuấn E tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy cho nên Trưởng Công an xã A, huyện K, tỉnh S, lập thủ tục đề nghị Phòng tư pháp huyện Kế Sách thẩm định hồ sơ, giải quyết đưa đối tượng vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tại công văn số 75/LĐTBXH ngày 13/4/2020, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách đề nghị Tòa án xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ cở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên họp:

+ Đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách đề nghị xem xét căn cứ tính pháp lý của việc lập hồ sơ và đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E, thời hạn 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng.

+ Người bị đề nghị là Lê Văn Tuấn E (vắng mặt).

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến, nhận định quy trình lập hồ sơ, xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E đã được các cơ quan tiến hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E, thời hạn 18 tháng.

+ Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên họp; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của cơ quan đề nghị và ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

[1] Căn cứ vào tờ tự khai của Lê Văn Tuấn E, Biên bản về việc lấy mẫu nước tiểu để xét nghiệm chất ma túy ngày 23/3/2020, phiếu trả lời kết quả của Trạm y tế xã A cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và ý kiến của Cơ quan đề nghị đã có đủ cơ sở để kết luận Lê Văn Tuấn E là đối tượng bị đề nghị áp dụng biện

pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và Điều 1 Nghị định 136/2016/NĐ–CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013.

[2] Xét hồ sơ đề nghị đã được Công an xã A, huyện K, tỉnh S lập còn thời hiệu, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 4, Điều 8, Điều 11 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và Điều 1 Nghị định 136/2016/NĐ–CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013. Trưởng Phòng Tư pháp huyện Kế Sách có văn bản kiểm tra tính pháp lý hồ sơ của Lê Văn Tuấn E và Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách có văn bản đề nghị xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E là đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 12, Điều 13 của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và Điều 1 Nghị định 136/2016/NĐ–CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013.

[3] Xét thấy Lê Văn Tuấn E sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 21/3/2020, đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn là 03 tháng, mặc dù chấp hành xong nhưng lại tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Khi kiểm tra, xét nghiệm đối với Lê Văn Tuấn E thì có kết quả xét nghiệm tình trạng dương tính với chất ma túy. Do đó, để cắt cơn nghiện và cai nghiện ma túy cho Lê Văn Tuấn E để đối tượng sớm tái hòa nhập cộng đồng, xã hội thì áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là phù hợp. Do vậy, đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kế Sách đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn E thời hạn 18 tháng là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ phù hợp theo quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 19, Điều 30. Điều 31 và Điều 32 của Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và Điều 1 Nghị định 136/2016/NĐ–CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013.

2. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Tuấn Em.

3. Thời hạn chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày Lê Văn Tuấn E bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thời hạn khiếu nại của người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Tòa án công bố quyết định; trường hợp vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn khiếu nại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án;

Thời hạn kiến nghị của cơ quan đề nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân cùng cấp là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

Người khiếu nại phải gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng trong đó nêu rõ lý do và căn cứ khiếu nại.

Cơ quan đề nghị kiến nghị, Viện kiểm sát cùng cấp kháng nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và căn cứ kiến nghị, kháng nghị gửi đến Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

6. Cơ quan thi hành quyết định: Phòng lao động thương binh và xã hội huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đưa Lê Văn Tuấn E vào cơ sở cai nghiện bắt buộc buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: số 80, đường Hồ Nước Ngọt, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Người bị đề nghị;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Công an huyện Kế Sách;
- Phòng LĐ-TB &XH huyện Kế Sách;
- UBND xã An Lạc Tây;
- Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Hải Duy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**